



-----88-----
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 4 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH ĐẾN 31/12/2023

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định tại điều 44 trong Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần may Sài Gòn 2 (nhiệm kỳ V).

Qua thẩm tra báo cáo tài chính đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty cổ phần may Sài Gòn 2 lập ngày 30 tháng 3 năm 2024 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES) kiểm toán cùng các chứng từ, sổ sách kế toán, tài liệu có liên quan do Phòng Kế toán Công ty cung cấp; Ban Kiểm soát có ý kiến về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty như sau:

I/ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH:

Doanh thu kế hoạch năm 2023 là: **31 tỷ đồng.**

Doanh thu thuần thực hiện năm 2023 là: 35.433.704.704 đồng (bao gồm doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác), đạt tỷ lệ 114,3% so với kế hoạch năm 2023 là 31 tỷ đồng, đạt 99,33% so với doanh thu thuần thực hiện năm 2022 là: 35.433.704.704 đồng, giảm 0,67%.

Lợi nhuận thực hiện năm 2022 là: -1.516.801.380 đồng.

Lợi nhuận thực hiện năm 2023 là: -6.722.730.379 đồng.

Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023:

Đơn vị tính: đồng

STT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN NĂM 2022 (2)	THỰC HIỆN NĂM 2021 (1)	Tỷ lệ so sánh 2/1
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	30.802.746.940	35.786.572.910	86,07%
02	Các khoản giảm trừ	429.962.236	142.128.552	302,52%
03	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	30.372.784.704	35.644.444.358	85,21%
04	Giá vốn hàng bán	14.690.557.051	17.012.150.914	86,35%
05	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	15.682.227.653	18.632.293.444	84,17%
06	Doanh thu hoạt động tài chính	83.156.361	28.403.035	292,77%
07	Chi phí tài chính	3.419.540.961	3.038.763.334	112,53%
	<i>Trong đó Chi phí lãi vay NH</i>	3.420.374.301	3.005.867.334	113,79%
08	Chi phí bán hàng	3.684.179.665	2.492.585.523	147,81%
09	Chi phí quản lý doanh nghiệp	14.587.236.233	14.300.614.972	102,0%
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-5.925.572.845	-1.171.267.350	505,91%
11	Thu nhập khác	4.977.763.639	-	
12	Chi phí khác	3.319.773.963	345.534.030	960,77%
13	Lợi nhuận khác	1.657.989.676	-345.534.030	-479,83%
14	Tổng lợi nhuận KT trước thuế	-4.267.583.169	-1.516.801.380	281,35%

15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.455.147.210	-	
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	
17	Lợi nhuận sau thuế TNDN	-6.722.730.379	-1.516.801.380	443,22%
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	-22.668	-5.114	443,25%
19	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	-22.668	-5.114	

II/ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023:

Đơn vị tính: đồng

I- Tổng cộng tài sản:	75.343.947.080
A- Tài sản ngắn hạn:	34.088.665.502
1- Tiền và các khoản tương đương tiền:	3.825.752.977
2- Đầu tư tài chính	20.000.000.000
3- Các khoản phải thu ngắn hạn:	2.536.677.438
4- Hàng tồn kho:	7.538.686.289
5- Tài sản ngắn hạn khác:	187.548.798
B- Tài sản dài hạn:	41.255.281.578
1- Tài khoản phải thu dài hạn:	13.944.084
2- Tài sản cố định:	41.085.278.294
<i>Trong đó:</i> - Nguyên giá TSCĐ:	106.814.873.186
- Giá trị hao mòn TSCĐ:	-65.729.594.892
3- Bất động sản đầu tư:	-
4- Tài sản dở dang dài hạn:	-
5- Đầu tư tài chính dài hạn:	39.838.140
6- Tài sản dài hạn khác:	116.221.060
II- Tổng cộng nguồn vốn:	75.343.947.080
A- Nợ phải trả:	80.405.287.130
1- Nợ ngắn hạn:	7.133.410.869
<i>Trong đó:</i> - Vay NH và nợ ngắn hạn:	
- Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn:	3.358.208.955
- Quỹ khen thưởng phúc lợi:	-754.936.935
2- Nợ dài hạn:	73.271.876.261
<i>Trong đó:</i> - Doanh thu chưa thực hiện dài hạn:	70.522.388.061
- Vay NH và nợ dài hạn:	-
B- Nguồn vốn chủ sở hữu:	-5.061.340.050
1- Vốn chủ sở hữu:	-5.061.340.050
<i>Trong đó:</i> - Vốn đầu tư của chủ sở hữu:	30.000.000.000
- Thặng dư vốn cổ phần:	3.624.444.518
- Cổ phiếu quỹ:	-394.234.518
- Quỹ đầu tư phát triển:	6.891.585.433
- Lợi nhuận chưa phân phối:	-45.240.668.156
- Nguồn vốn đầu tư XDCB:	57.532.673
2- Nguồn kinh phí, quỹ khác:	-
Một số chỉ tiêu phân tích tài chính:	
- TSDH/ tổng số tài sản (%):	54,76%
- TSNH/ tổng số tài sản (%):	45,24%
- Tỷ lệ nợ phải trả so với toàn bộ tài sản (%):	106,72%
- Khả năng thanh toán nợ hiện hành:	
+ Tổng cộng tài sản / nợ phải trả (lần):	0,94

- Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn:
 - + Tài sản ngắn hạn / nợ ngắn hạn (lần): 4,78
- Khả năng thanh toán nợ nhanh:
 - + Tiền hiện có / nợ ngắn hạn (lần): 3,34

III/ TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ:

Về tình hình đầu tư tài chính dài hạn: Số dư tài khoản đầu tư tài chính đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 65.368.000 đồng tương ứng 4.986 cổ phần (mệnh giá 10.000đ/cổ phiếu) của Công ty cổ phần sản xuất thương mại may Sài Gòn (cổ phiếu GMC).

Đầu tư tài chính đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng Đông Á với số tiền là 20.000.000.000 đồng.

IV/ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN SAU THUẾ – CHIA CỔ TỨC:

Tình hình kinh doanh năm 2023 không hiệu quả nên không có lợi nhuận.

Lợi nhuận thực hiện trước thuế năm 2023 là: -4.267.583.169 đồng

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp là: 2.455.147.210 đồng

Lợi nhuận thực hiện sau thuế là: -6.722.730.379 đồng

Năm 2015 Công ty lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2022 là -38.517.937.777 đồng.

Tình hình kinh doanh năm 2023 cũng không hiệu quả lỗ -6.722.730.379 đồng. Vay số lũy kế lỗ đến 31/12/2023 là -45.240.668.156 đồng, Công ty tiếp tục bù vào năm sau. Do vậy năm 2023 Công ty không chia cổ tức.

Trong 9 tháng đầu năm tình hình tài chính của Công ty vẫn còn nhiều khó khăn, nguồn vốn chủ yếu là vốn vay; Để đạt hiệu quả kinh doanh cao hơn, đề nghị Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc tiếp tục tìm kiếm đơn hàng có đơn giá tốt, sớm giải quyết thành phẩm – hàng hóa tồn kho; tìm kiếm đối tác liên doanh, liên kết nhằm sử dụng hiệu quả mặt bằng tại xí nghiệp may Trung Lập Phú; đồng thời chỉ đạo việc thực hành tiết kiệm tối đa các khoản chi phí, thực hiện tốt công tác quản lý nhằm tăng doanh thu và lợi nhuận./.

Trưởng Ban Kiểm soát : Đặng Thị Thu Hằng

Thành viên Ban Kiểm soát : Ngô Văn Ất

Thành viên Ban Kiểm soát : Bùi Mỹ Lệ

Nơi nhận:

- Hội đồng Quản trị,
- Ban Giám đốc,
- Phòng Kế toán,
- Lưu BKS.